

3. Qua Trào Thực Dân

by Rev. Kim Định, Vietnamese Philosopher

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Taiwan

a. An Thổ

Vũ trụ Việt Nam làm bằng trời che và đất chở. Trời nét dọc, đất nét ngang, dọc ngang giao nhau làm thành thập tự nhai +. Đặt thập tự nhai nghiêng ra thành chữ Nghê. Đặt lên trên chữ nghệ bộ đầu thì thành chữ Văn. Nhưng Văn ở đây không được hiểu là văn chương, song là Văn Tổ mà kinh điển hay giải nghĩa là nói gọn, nói biện bạch ra thì trời với đất giao nhau để làm nên tổ tiên muôn vạn "Duy Thiên địa vạn vật phụ mẫu" Kinh thư Thái tuệ câu 3. Hiểu như vậy thì Văn mới đáng thờ. Khi người Việt Nam thờ tiên tổ thì cũng chính là thờ Văn Tổ tức là thờ Trời thờ Đất. Và trời đất cũng không phải xa xăm nhưng là trời che đất chở thiết cận đến mình, tàng ẩn ở thân tâm mình.

Vì thế hai chữ trời che đất chở mang một ý nghĩa thâm thiết cụ thể trong vũ trụ quan của người Việt Nam. Vì trong đó con người được quan niệm như thập tự nhai nghĩa là giao điểm của đất trời. Đây không là một định nghĩa văn chương suông nhưng là biểu lộ một nội dung đã thực hiện bằng thể chế công điền với lễ gia tiên. Hai thể chế đi đôi y như đất với trời gặp nhau như chữ Văn ở trong Văn Tổ vậy.

Cho nên không một người nào không có phần điền để làm đất chở cũng như được thờ tiên tổ để làm trời che. Do đó cả hai yếu tố đều mang một ý nghĩa linh thiêng. Đạo thờ Trời do vua chủ tế thì phân uy linh đã bộc lộ rõ ràng. Đến như đạo thờ Thần Đất (Thành hoàng) do dân làng đảm nhiệm mặc dầu không oai phong lộng lẫy bằng, nhưng không thiếu phần linh thiêng. Phần linh thiêng đó được biểu thị ngay trong chữ Xã là đạo tế Thổ Thần kép bởi bộ Thị chỉ linh thiêng và bộ Thổ thành ra chữ Xã.

Ông Paul Mus cũng như nhiều học giả Tây Âu phân bua rằng đó không là cái trò chơi tán suông, nhưng chính là một thực thể, một quan niệm về Đất đầy ấp tình người, hồn người, rất nhiều người và mặc dầu đã chết nhưng vì "sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn: phụng sự người chết như là còn sống người đã qua đi như còn tồn tại" nên cũng còn quan trọng như người sống. Vì thế phần linh thiêng của đất nổi vượt hơn phần vật chất. Người thôn dân rất ái ngại bán đất hương hỏa là do đó. Vì với họ Đất có một nội dung khác hẳn. Với Tây Âu đất là đất. Với người Viễn Đông, Đất không những là đất nhưng còn là cái gì chứa đầy linh thiêng, vì đất là của người sống mà cũng là của người chết. Người sống nắm giữ đất cách trá hình, còn linh hồn tiên tổ nắm giữ cách vô hình. Cái quan niệm đó người duy lý có thể cho là thần bí. Tuy nhiên chính nó đã là một yếu tố đem lại sự quân bình kinh tế cho xã hội Việt Nam hơn hẳn các xã hội Tây Âu về trước. Vì theo quan niệm đó thì phải có chính sách quân phân tài sản sao cho ai cũng được làm người nghĩa là có một miếng "đất chở" thực sự để đối đáp với "trời che" cũng thực sự được biểu lộ bằng đạo cúng tổ tiên. Và vì thế mỗi người Việt Nam khi tế tự lại dâng tế Thổ Thần thì thực sự họ là một nhà tư tế, có nội dung cụ thể, nghĩa là họ có làm chủ một miếng đất thực sự nên cần được tế, vì đất nào cũng có quí có thần. Lại khi nói người dân phải cầm binh khí ra đánh đuổi quân xâm lăng tàn phá "xã tắc", thì họ hiểu thâm thía từ mảnh vườn của họ dâng lên: nước là của họ cũng như là nhà của họ vậy.

Đó là chính sách đã được thi hành cùng với lễ gia tiên ngay từ ngày khai quốc. Tuy sự áp dụng tùy thời mà đạt độ công bằng nhiều ít có khác nhau, nhưng còn nguyên lý và áp dụng thì có ngay từ đầu. Cho đến khi người Pháp đặt nền đô hộ thì dần dần phá vỡ cái "vũ trụ" nhân sinh đó.

Chúng ta hãy lấy năm 1940 làm cứ, vì là năm có mấy thiên khảo cứu công trình của ông Gourou mà ông Paul Mus dùng trong quyển "Vietnamese Sociologie d'une guerre". Theo đó ta có thể nhận ra ảnh hưởng của người Pháp đã đem sự bất bình sản vào nước ta ra sao. Hãy căn cứ trên tỉ số ruộng công điền của ba miền làm cứ:

Ở Trung vì là miền thuộc nhà Vua ảnh hưởng người Pháp tương đối ít, nên còn giữ được tỉ số ruộng công điền cao nhất là 26% trong tổng số ruộng canh tác. Ông Gourou nhận xét có nơi mỗi suất dinh được tới ba mẫu.

Đất Bắc tuy theo hiệp ước 1884 gọi là Bảo Hộ, nhưng trong thực tế người Pháp đã biến dần thành thuộc địa, nên còn được có 20%.

Đến như Nam là thuộc địa thực sự, xã thôn lại được thành lập chính tề như ngoài Bắc, nên số ruộng công trừ xuống còn 2,5% (Mus 240).

Đến như ruộng tư điền phân chia càng chênh lệch: trong Nam cứ 15 người mới có một điền chủ, ngoài Bắc thì cứ 6 hoặc 7 người có một điền chủ, hiểu là có ruộng riêng, còn ruộng công thì ai cũng có phần (nói chung). Ruộng đất vì thế bị chia ra những mảnh quá nhỏ từ 1 sào ta trở lên đến ba mẫu (lỗi 1 ha). Xét về phương diện canh tác hiện tại thì đó là một trở lực cho việc cơ khí hóa, đòi phải có những diện tích từng chục Ha trở lên. Nhưng về đảng xã hội thì việc phân chia chi li kia đã nói lên tính chất bình đẳng kinh tế thực thi đến cao độ, cho nên xét về công thể thì nghèo độ cực khổ, nhưng nghèo theo công thể nghĩa là không ai đến độ như thợ thuyền Tây Âu phải bán mình vì không còn gì khác ngoài mình để bán. *Le travailleur européen réduit "à se vendre volontairement parce qu'il ne lui reste rien d'autrui"*. (Mus 106). Người Việt Nam nghèo nhất ít ra cũng còn vài sào công điền.

Trong Nam số người đã giàu thì giàu từng trăm ngàn mẫu, còn đại đa số thì toàn là tá điền, giống với nông nô Pháp (nói về giàu nghèo, chứ về tự do thì nông nô Tây Âu khổ hơn tá điền vô kể, thí dụ không có quyền bỏ chủ này sang chủ kia): đất tư đã không có mà ruộng công cũng không, ta chỉ xem vào vài con số sau:

Đang khi đại điền chủ (50 Ha trở lên) chỉ có 9,6% số người lại chiếm 65% số ruộng.

Còn 48% trung điền chủ (5-50 Ha) với 32% số ruộng.

Còn số tiểu điền chủ (từ 5 Ha trở xuống) có lỗi 38% tổng số dân lại chỉ chiếm được 3,3% diện tích.

Sự chênh lệch quá đáng này rõ rệt do ảnh hưởng của nước Pháp. Ta hãy nhìn sang nước Pháp vào lỗi năm 1930, 94% dân số Pháp giữ 8% lợi tức quốc gia đang khi 5% giữ 20% còn lại 1% giữ tới 72% (Theo *Grandeur et Décadence des Civilisations*. Edit. Payot. p.220)

Sự chênh lệch đó càng trở nên trầm trọng vì chính sách thuế khóa căn cứ trên đồng bạc Đông Dương lên xuống theo giá thị trường quốc tế, tức không kể chi đến lúa gạo, nên nhiều lần đã vượt quá mức chịu đựng của thôn dân rất xa. Ở làng tôi vào một năm nào đó (từ 1940-1943) số ruộng mỗi Đình là 4 sào (lỗi 1/7 Ha) gặt hái xong xuôi được 24 thùng, mỗi thùng bán 0\$12. Bán hết đi mới được có 2\$88. Thế mà sưu thuế là 4\$66 còn thiếu 1\$68 hay là 14 thùng nữa mới đủ nộp thuế...

Đó là năm tệ nhất, thường thì tất nhiên không đến nỗi đó, nhưng trung bình thì sưu thuế đã chiếm suýt soát nửa số hoa lợi. Chính sách thuế khóa đó đã dìm nông dân xuống cái hố bần cùng vượt xa các triều đại trước.

Vì sự giàu nghèo càng ngày càng trở nên sâu rộng như thế nên ảnh hưởng sang việc học hành. Trong khi Nho học còn thịnh: việc đi học rất ít tốn kém, hầu không làng nào không có vài ba ông đồ tại chỗ, thì số người đi học tương đối đông mà vì cùng theo một lối bình dân chung cho Viễn Đông: 25 nhà có một trường gọi là Thục, 500 nhà thành một đẳng có trường gọi là Tường, rồi đến 2,500 (có sách nói là 12,500) có Tự, ở kinh đô có Học. (Xem Phùng Hữu Lan - Ái. 260).

Đó là vài con số chắc không được bảo đảm lắm khi xét xuyên qua nhiều nơi, nhiều thời đại. Nhưng nói chung nhiều học giả công nhận nền học vấn Viễn Đông xưa vượt xa xã hội Tây Âu ngay cả về số lượng.

Đó là đại để vài nét về sự bình đẳng kinh tế của ta trở vượt xa xã hội Tây Âu. Và ông Mus (254) đã có thể viết: "Đại điền chủ là do người Pháp đưa vào Việt Nam" (*La grande propriété séquelle de l'occupation française*). Đây có thể là một đề tài cho cao học tìm so sánh quan niệm công thể (notion communautaire de propriété) của Viễn Đông với quan niệm tuyệt đối về tài sản của Tây Âu đến hết thế kỷ 19, (*droit absolu de propriété*). Đây là một thể chế then chốt nhất trong việc giải phóng con người mà xưa nay ít ai để ý hay có

lưu tâm thì so sánh lại xô bồ. Cần so sánh cách khoa học mới nhận ra tính chất bình đẳng kinh tế của ta trôi vượt.

Trong bài tổng quát này chỉ nhằm đưa ra vài con số tiêu biểu để gợi ý về một chính sách "đất chõ" của Việt Nam xưa đã bị phá vỡ làm cho mất ý nghĩa hai chữ "an thổ" mà người Việt Nam có thể hiểu một cách từ cụ thể lên đến nghĩa siêu hình tâm linh đều thật cả nhưng khi ảnh hưởng Tây Âu lan tới đâu thì câu "an thổ" mất ý nghĩa tới đó. Có phần thổ địa đâu nữa để mà an vui lạc nghiệp, cũng như "an bản lạc đạo"? Đã không an thổ thì đôn hồ nhân thế nào?

b. Đôn Hồ Nhân

Câu này có một ý nghĩa đặc trưng trong xã hội Việt Nam, nơi tình người được đặt trên lý sự khác hẳn xã hội Tây Âu y cứ trên lý sự. Vài mẫu chuyện điển hình sau đây rút ra từ những sách triết lý sẽ nói lên rõ rệt hai bầu khí khác nhau đến đâu.

Người ta hỏi Kant: giả sử có bạn thân vì lỗi luật phải chạy đến ẩn nhà ông. Nếu như công an đến hỏi thì theo ông phải khai ra hay giấu đi, và Kant đã chủ trương phải khai ra.

Lập trường này gây xúc động lương tri một số người Âu Châu lúc đó. Vì thế triết học gia Benjamin Constant đã viết để xin Kant xác định lại bằng cách đặt ra câu hỏi gay gắt hơn rằng: giả như có đứa sát nhân đang đuổi bắt người bạn thân tình của ông thế mà bạn ông chạy kịp đến ẩn nhà ông, khi chúng tới hỏi thì ông xử sự thế nào? Kant trả lời là phải thừa có. Lý do? Vì nói dối vẫn là một tội ác, nên trong chuyện này không có quyền lựa chọn: nói thật là bổn phận tuyệt đối: "Il n'est pas libre en cela de choisir puisque la vérité est un devoir absolu". Doctrine V.251.

Xử sự như thế Đông Phương cho là đặt lý sự trên tình người, chấp kinh mà thiếu quyền, không biết chữ "tùy thời mà biến báo": không nhất thiết phải thế này hay thế nọ. không có luật nào tuyệt đối cả, nhưng uyển chuyển như tình người. Nho giáo nói: chấp kinh cũng phải biết tòng quyền là thế.

Diệp Công nói với Không Tử: "Ở ấp tôi có một người giữ pháp luật rất ngay thẳng đến nỗi cha trộm dê thì con đứng chứng tố cáo!" Không Tử đáp lại: "Ở xóm tôi thì khác, người chính trực che lỗi cho con, con che lỗi cho cha, chính trực ở tại đó". L.N.XIII.18.

Như vậy là đặt tình người trên pháp luật. Nhưng nếu thế thì luật pháp bị coi thường mà nước loạn mất chẳng?

Đào Ứng đã lo thế nên đặt vấn đề với Mạnh Tử (VII.35) như sau:

- Nếu như lúc ông Thuấn làm Thiên Tử mà cha ông là Cỗ Tẩu phạm tội giết người thì tổng trưởng bộ tư pháp là ông Cao Dao phải xử ra sao?

Mạnh Tử đáp:

- Phải cứ pháp luật cho bắt ông Cỗ Tẩu.
- Ủa! Thế ông Thuấn không làm chi cản ngăn ông Ca Dao sao!
- Cản ngăn sao được, phép truyền từ đời nọ đến đời kia là phép công mà.

Đào Ứng hỏi thêm:

- Như thế ông Thuấn phải xử như thế nào!

Đáp rằng:

- Vua Thuấn sẽ coi thiên hạ như đôi giép rách vậy và lên đi công cha chạy trốn ra ngoài biên mà ở, trọn đời hân hoan an lạc quên hẳn việc chính trị."

Xử sự như thế ngày nay (hoặc người khuynh hướng pháp gia) có thể cho là trái phép. Nhưng người xưa có hỏi trái phép nào? Ai đặt ra phép ấy? Đặt ra để bắt tất cả làm nô lệ, kể cả những mối tình cao quý nhất như tình cha con chẳng?

Đó là một lỗi xử đời khi tình lý tương phản thì cố vượt lên trên bình diện ích lợi, để đi sang bình diện đạo lý, mà đạo lý đó xây trên tình người. Nhờ vậy dầu trọng tình mà nước cứ vững, tình lý tương tham, tình nội lý ngoại. Lệnh vua thua lệ làng, lệnh vua là lý ngoại, phép làng là tình trong. Phép làng là lý đổ lên đầu người gia trưởng để cho toàn gia đình sống trong tình ruột thịt, hễ "gia đạo chính thì thiên hạ định" (quê gia nhân) đã có trên 20 thế kỷ chứng minh điều đó. Nếu hồn nước của Tây Phương là bánh xe lịch sử (Hegel) hay là sự thật từ trên truyền xuống (vérité absolue impérative. Kant) cần phải dẫm lên tình bạn để bảo toàn sự thật, thì với Đông Phương sự thật phải phụng sự con người.

Người Trung Hoa có tục "nam nữ thụ thụ bất thân" ai làm trái cho là vô lễ. Thuần vu Khôn viện tục đó ra hỏi Mạnh Tử: "Nếu thấy chị dâu sắp chết đuối thì có được lấy tay mà vớt lên không?" Đáp: "Chị dâu sắp chết

đuổi mà không vót lên thì giống sài lang. Nam nữ thụ thụ bất thân là lẽ, còn chị dâu sắp chết đuổi lấy tay mà vót lên là quyền biến".

Lúc nào tình người cũng cao hơn lý sự, khác với Tây Phương ở chỗ đó. Tây Phương không phải thiếu tình người, chúng ta có thể đọc tràn đầy trong các thi ca, tiểu thuyết nhất là loại lãng mạn thì thiếu chí tình. Rồi nữa ngay trong giới triết học như Benjamin Constant phản đối Kant vừa nói trên kia... Tuy nhiên đó chỉ là tình tự ở cỡ lương tri thường nghiệm chứ không phải trên đợt triết lý hay Đạo thuật như bên Đông Phương, nên thiếu phương thức đôn hậu hàm dưỡng tình người. Cái khác nhau giữa Đông Tây ở chỗ căn bản đó.

Vì thế khi lên sổ các mối nhân luân đã hiện thực dọc dài qua bao ngàn năm lịch sử, Hegel cũng chỉ thấy được có một mối liên hệ duy nhất là chủ nô (maitre esclave) thay vì ngũ luân bên ta. Đừng ai vội phản đối Hegel bởi ông thấu hiểu lịch sử Tây Âu, và là người đầu tiên lập ra khoa triết lý lịch sử. Sở dĩ ông nói thế vì chỉ có thế, và ngày nay thay vì nói chủ nô thì người Mácxít nói là kẻ trị với người bị trị, cũng là một, và đều đúng cả. Bởi vì đó không phải là xã hội Đông Phương để có những ngũ luân: vua tôi, cha con, vợ chồng, huynh đệ, bằng hữu, và nét định tính cho năm mối liên hệ đó là Nhân cho vua, Tử cho cha, Nghĩa cho chồng, Hiếu cho tử, Tin cho bằng hữu. Cả năm mối liên hệ đó đều đặt trên đức trên tình, trên Văn Tô, chứ không có đặt trên quyền lợi kiểu "tranh đấu để sinh tồn" (Darwin), hay "homo homini lupus": người là lang sói cho người, và đến nỗi vì quyền lợi mà con người nhẫn tâm dẫm lên xác cha. Thế là người hết còn linh thiêng cho người nữa: l'homme n'est plus une sacrée chose pour l'homme, như phái Stoicien đại diện Đông Phương trong đế quốc La Mã đã tuyên bố xưa. Nhưng rồi tiếng nói đó đã rơi vào sa mạc ích dụng của đế quốc.

La Mã xưa kia cũng có đạo thờ tổ tiên nhưng xét kỹ mới thấy có sự khác biệt ở chỗ thiếu bài vị Văn Tô, nên việc thờ cúng chỉ hạn hẹp trong thị tộc với bầu không khí ích dụng (pratique, utile). Thần tiên tổ LARES thì để phù trợ gia đình, thần PENATES coi nhà, thần TERME để coi bờ cõi, thần PRIAPE để cầu được mùa màng, thần SILVAIN để coi đồng nội... Bấy nhiêu chưa đáng kể vì giới bình dân đâu đâu không có mấy thần ích dụng đó: thần đầu rau, ông táo... bên ta thiếu gì, và con cái thờ tiên tổ để được may mắn là truyện rất thường. Nhưng lớp kẻ sĩ thì có chỗ vươn lên là Văn Tô, còn Tây Phương không có.

Trong bầu không khí "ích dụng đó" thần Minh Triết MINERVE (phỏng theo thần ATHENA của Hi Lạp) chỉ giữ một vai trò lép vế bên cạnh thần chiến tranh MARS giữ vai trò chủ tịch.

Chính vì thiếu lối xếp đặt theo ngũ hành mà đạo thờ tiên tổ không phá nổi sự phân chia giai cấp trong xã hội... và đó là căn nguyên chính đào mồ chôn đế quốc La Mã, chứ những "quân man-ri" chỉ là căn do gần và ngoại tại.

Đế quốc La Mã bị chôn vùi nhưng óc ích dụng vẫn lưu lại làm nền móng cho cái học luân lý, giam giữ con người dưới gông cùm của "cường hành và lợi hành, Kant tỏ mình là một thiên tài khi nhận ra điều trên" nên ông mới phản động bằng cách lập ra một nền đạo đức mới lấy con người làm cùng đích tự tại (fin en soi). Ý hướng thì tốt nhưng tìm ra giải đáp cho vấn đề ý hệ nên lại quay trở về với lối sùng mộ có tính cách tôn giáo. Thế là một đường đi ngược với dự phóng ban đầu: thiết lập nền đạo đức công dân, hiểu là độc lập đối với tôn giáo, thế mà nay lại trở về với tôn giáo, thì về phương diện ý hệ là thất bại. Luân lý của Kant sụp đổ là vì đó. Đổ vì không tìm ra nền móng, nói theo Đông Phương không tìm đến đợt Văn Tô, nghĩa là đưa luân lý ra khỏi bình diện ích dụng, để thiết lập nền luân lý sứ mạng: làm vì nghĩa. Và do đó con người vẫn còn ở lại đợt cá nhân như trước, không tìm ra được yếu tố tâm linh để kết hợp cá nhân thành công thể (communauté) nên vẫn là cá nhân với bầu khí của nó là ích kỷ, không giúp cho sự triển nở của tình nhân hậu, cho óc liên đới xã hội. Trái ngược hẳn với xã hội Việt Nam mà ông Gourou nhận xét: "bên ngoài cái vẻ tầm thường chứa một đời sống xã hội cường độ (une vie sociale intense) vì trong đó người thôn dân có ngàn dịp để nói, để bàn, để chạy việc quản lý những nguồn lợi của xã thôn, để sống một cuộc đời đầy trách nhiệm (Mus 334). Trong đó đủ hội hè đình đám với các thứ tương thân tương trợ, làm nên cái mà ông Paul Mus gọi là "một cung thánh bất khả xâm phạm" (sanctuaire inviolable. Mus 20), một "bản anh hùng ca của dòng tộc" (épopée ethnique. Mus 17) "vì mặt bắc chống với kẻ thù xâm lăng mạnh gấp nhiều chục lần, còn mặt nam cứ tiến bước qua rừng, qua núi, qua các nước Nam Chiếu, Lâm Ấp, Chiêm Thành, Chân Lạp. Người Pháp không thể nào hiểu được sự cố kết mạnh mẽ xiết bao, nên đã thất bại trong lần tái chiếm Việt Nam. Bao nhiêu thôn ấp trở nên bấy nhiêu đoạn của con rồng bị chặt ra từng khúc nhưng mỗi khúc cứ sống cái đời sống tự túc từ xa xưa

truyền lại khiến cho xe tăng tàu bò không sao phá vỡ nổi" (Mus 15,19,186). Tuy nhiên trong quãng 80 năm đô hộ người Pháp nắm hết quyền hành trong tay nên thành công chặt được cái đầu con rồng Việt Nam lìa ra khỏi thân mình bằng cách kiểm soát ngặt thôn xóm. Việc bầu hương chức từ đây phải lệ thuộc phủ, huyện, tỉnh... Đó là khởi đầu cho tệ đoan mua chuộc cấp trên. Đồng tiền lại một lần nữa lọt ra khỏi làng. Các điền chủ, kỳ hào dần dần chán đời sống thôn dân kéo lên tỉnh hưởng đời sống văn minh, xe hơi, nhà lầu, con đi học trường Tây, tiền gửi băng, nhiều khi đầu tư sang ngoại quốc, ruộng vườn giao lại cho quản lý. Mối liên hệ giữa chủ điền và tá điền dần dần trở nên trừu tượng trút hết tình người là cái chỉ tìm ra được trong những mối giao tiếp trực chỉ.

c. Cố Năng Ái

Thế là người trong nước bị phân ra hai thế giới trong hai hệ thống, hai tâm trạng khác nhau như từ hành tinh này đến hành tinh kia: les deux systèmes, les deux mentalités s'écartaient sur place d'une distance interplanétaire (Mus 129). Người thôn dân cố chống Pháp để được quyền là mình. Trí thức ngược lại tranh đấu để được quyền bắt chước ta cách vụ vào lượng số. L'opposition sourde de la paysannerie a consisté dans sa lutte pour conserver le droit de différer de nous. L'élite tout au contraire a bataillé pour acquérir celui de nous imiter, statistiquement, même contre notre gré. (Mus 152). Cái thảm trạng của nước ta chính là ở chỗ đó. Từ đây trí thức trở thành đầu không có thân, được thấy rõ trong đảng phái chính trị mà lớp "lãnh đạo" nhiều hơn người chịu lãnh đạo. Ngược lại thôn dân là thân không có đầu. Thôn dân thì dân mỗi ngày mỗi không hiểu nhau, vì không những nói hai thứ thổ âm khác nhau là tiếng Pháp, tiếng Việt, nhưng còn khác luôn cả ngôn ngữ. Kể sĩ xưa có viết bằng chữ Nho đi nữa cũng chỉ khác có thổ âm, còn ngôn ngữ vẫn là một nghĩa là cùng một triết lý công thể của Văn Tổ. Còn nay chỉ biết có lý sự, ý kiến cá nhân, ngược hẳn với cái học cổ truyền thì làm sao hiểu nhau được. Nhất là khi thấy xã hội Tây Âu tiến bộ văn minh cường thịnh, thì các giới trí thức trưởng giả trăm người như một đều cho triết học lý niệm là căn do của sự tiến bộ kia. Cho nên dần dần trí thức trưởng giả đô thị ngộ nhận mọi giá trị cổ truyền: cho thôn dân là không biết chi đến tự do, đến quyền lợi. Và từ đây trí thức khởi đầu miệt thị Nho Giáo bởi đây là một đạo hành vi làm bằng tình thâm và động tác, nay trí thức lại xét theo ý niệm phân tích thì chẳng thấy được gì nên làm sao tránh khỏi miệt thị. Ông P. Mus nhận xét "trong khi Âu hóa người trí thức Việt Nam, trong khi nhận họ đứng vào hàng với ta, ta đã phá vỡ mất cơ cấu tinh thần của họ, quan niệm cổ truyền của họ và đặt lối xử thế cũng như chính bản thân họ ra khỏi môi trường xã hội đã un đúc nên họ. Thế mà xã hội đó không sống bằng ý niệm trừu tượng, trái lại cả những quan niệm rất triết lý của họ không bao giờ xa lìa cơ cấu kinh tế, chính trị, gia đình, xã thôn; nhưng tất cả bấy nhiêu điều thích nghi vào một cơ cấu mẫu, một vũ trụ quan phát xuất từ đáy lòng mà Nho Giáo là một sự biểu lộ cao nhất và chính thức nhất. Một khi đã cất mất lòng thâm tín vào những ý tưởng đó của Nho Giáo, thì toàn hệ thống không thể đứng nổi... (Mus 140). Thế là Nho Giáo tàn dần không còn nữa để mà tiêu sinh lực thiêng liêng cho các thể chế, nên những thể chế này dễ đổ ra tệ đoan, trở thành dụng cụ khai thác thôn dân để phụng sự cho sự lớn mạnh của nền văn hóa đô thị. Ngọn lửa nhân ái hết được đôn hậu, ngàn dân đi để trở thành đồng tro tàn sau các lũy tre xanh. Nếu mất phần ruộng công điền kể như mất phần "đất chõ" thì giết chết Nho Học kể như phá mất "trời che": người trên đã không còn học Đạo Thuật, không còn đôn hậu tình người bằng lễ, bằng nhạc, bằng giảng học thì lễ gia tiên còn lại có phần thiên cận thuộc giai đoạn bái vật và bao nhiêu cái đẹp xưa trở thành hủ tục, sinh ra những tệ lạm đủ để tài cho Tự Lực Văn Đoàn khai thác, cho trí thức chê bai giê bêu: văn hóa thôn dân sắp bị gọi bằng danh từ miệt thị là nhà quê. Nhà quê không phải là người (hiểu là cá nhân) mà chỉ là những thực thể bị nuốt trôi vào đoàn thể. Ông P. Mus viết: trí thức không còn nhận định nổi được rằng thôn dân thích bị nuốt trôi vào công thể, vì nó không là đoàn lũ nhưng là công thể đầy áp tình người, nên đi đâu mặc không sao quên được nơi quê tổ, nơi có bàn thờ tiên nhân. Những "cu-li" làm trong các đồn điền được dư đồng nào hầu hết gửi về nhà. Và sau khi hết hạn khế ước thì liền ra đi trở về quê cũ, bỏ lại nơi đồn điền cái nhà đẹp hơn nơi quê, bỏ lại người vợ tạm mà thói tục cho phép lấy trong lúc "đất khách quê người" (Mus 112) trước sự ngạc nhiên của người Tây Phương, của trí thức trưởng giả đô thị...

Ngược lại người thôn dân hết hiểu nổi trí thức, và cả những quyền lợi mà họ đang tranh thủ: tự do hội họp, tự do báo chí và đáng sợ nhất là quyền đầu phiếu mà các ông trí thức tranh đấu cho họ, làm họ mất thời giờ, không đi thì mấy ông hỏi giấy tờ khô sò, mà đi thì biết bầu cho ai? Sau khi đắc cử họ làm cái gì? Mãi ở đâu? làm sao mà kiểm soát?... Làm sao được như hương chức xưa sống trong thôn xã với họ, nếu làm vậy ít nhất họ còn có quyền chửi đồng, vận động, bôi xấu...

Trong xã hội cũ quyền lợi của họ ít lắm, rất tương đối nhưng nó thể hiện ngay trong phần điền, nó nuôi họ hàng năm. Vì thế nay họ không mong quyền đi bầu mà mong phần ruộng.

Trong khi người Pháp đưa giải pháp Bảo Đại ra làm chiêu bài vào lối 1946-1947 thì đã tính thỏa mãn điều đó phần nào, nhưng bị phản đối do nhóm "Nam kỳ tự trị" được chiêu mộ phần lớn trong những đại điền chủ. Nhóm này sợ đất ruộng của họ bị sút mẻ vì lối "quân phân tài sản" cổ truyền của Việt Nam.

Vài thí dụ trên chứng minh là đất nước đã bị bỏ đói làm hai mảnh văn minh không hiểu nổi nhau nữa thì làm sao mà yêu nhau, làm sao "cố gắng ái". Văn minh thị dân duy lý, cái học thiếu phần "đôn hồ nhân" thiếu phần hàm dưỡng tâm hồn triết gia, để tiết chế cái lòng tham dục, nên thẳng tay khai thác những thôn dân chất phác đã bị chặt chân (mất ruộng), bị chặt đầu (không còn kẻ sĩ ở bên cạnh để cất tiếng bênh che) để trao cho thị dân mặc tình khai thác. Do đó sự khai thác trở thành tàn tệ.

Chúng tôi không nói về cá nhân. Xét về cá nhân thì nhiều người Tây Âu nhân ái hơn nhiều người Đông Phương, nhiều trí thức tốt hơn nhiều kẻ sĩ v.v... Đây chỉ có ý bàn về cái cơ cấu của một nền văn minh, thì đó quả là một hệ thống duy vật, vì đã bị tục hóa, đã bị ly dị với tôn giáo. Kitô giáo là một giá trị tinh thần đã đứng ra thay thế cho đế quốc La Mã trong lúc sa đọa để đem đến cho người Âu Châu một nhãn giới cao rộng vượt những giới mốc của huyết thống, gia tộc cũng như bộ lạc, và do đó giảng rao tình huynh đệ phổ biến không phân biệt chủ với nô, công dân Roma hay là ngoại quốc. Chính nhờ thế mà Âu Châu còn tồn tại đến ngày nay.

Vậy khi ly dị khỏi tôn giáo thì nền văn minh Tây Âu trở nên thế tục rỗng. Do đó mặc dầu Tây Âu có nhiều giá trị tinh thần, giá trị nhân bản, nhưng vì cơ cấu đã bị tục hóa nên ta phải cho là duy vật. Vậy khi đem áp dụng vào xã hội Việt Nam vốn xây trên tình người thì trở thành hai đối cực. Vì thế đã gây nên sự ngỡ ngàng cho giới trí thức Việt Nam không ít.

Chúng tôi không hề nghĩ rằng giới trí thức chỉ gồm những phần tử chủ đầu theo cái sống sinh lý, nhưng có nhiều, rất nhiều đã thắc mắc đã sống căng thẳng cái mà ông P. Mus gọi là "tân bi kịch tổng hợp" một đảng nhận ra Tây Âu tiến bộ hơn mình rất xa, một mặt lại cảm thấy văn hóa Tây Âu có một sự trống rỗng, thiếu mất cái chi linh thiêng để làm si mẩn tổng hợp. Vì thế rất nhiều nhà trí thức Việt Nam cho là người Tây giấu cái phần linh thiêng đó. Ông P. Mus kể lại trường hợp của một giáo sư kia 15 năm trời miệng luôn luôn dạy học sinh rằng mặt trời xoay quanh trái đất nhưng lòng luôn luôn thắc mắc cho rằng chắc có ẩn tàng chi đây? Người Pháp chờ mong cái gì từ điều dạy đó?... Người Tây nói thế nào cũng không tin, vẫn cho là giấu bí quyết, mãi tới sau thế chiến 1914-1918 một số nhỏ mới vỡ lẽ ra rằng điều bí mật nhất không có bí mật chi hết: le plus grand secret c'est qu'il n'y a pas de secret, và tự đẩy đổ nhau đi tìm thỏa mãn cho nhu cầu khát vọng thiêng liêng: người thì theo Kitô, người thì theo Tam Điểm, hoặc câu cơ (spiritisme), ông Mus cho Cao Đài đại diện nhóm này (Mus 133.143.147) và cho rằng chính sự mất liên lạc với lễ gia tiên là lý do sâu xa gây nên các giáo phái (Mus 248).

Thế là nền văn hóa đã tô tạo cho giống Lạc Việt từ ngày khai quốc y cứ trên Văn Tổ tan vỡ ra làm nhiều mảnh (Cao Đài, Hòa Hảo, Phật Giáo, Kitô Giáo, Bè Nhiệm) đủ yếu tố có thể gây nên cuộc xung đột ý hệ. Và cuối cùng thêm một nhóm theo Mácxít nữa thế là cuộc xung đột ý hệ trở thành thực sự từ 15 năm nay; máu người Việt đổ ra chưa khi nào nhiều như thế, những bom, đạn, giáo, gậy, do ý hệ tung ra tới tấp rơi thẳng xuống đầu dân nước như hợp chợ. Có còn "trời che" đâu mà chẳng rơi thẳng vào đầu. Thế mới hay có những chữ như "đất chở" "trời che" mang theo một ý nghĩa rất cụ thể các thực vậy.

Đây là thực trạng bi đát chưa tìm ra giải đáp cho "thảm kịch tổng hợp" đặt ra cho lớp đàn anh mà ông Mus viết "...drame intérieur vécu par tant de mes amis d'enfance, c'est vis-à-vis d'eux mêmes, un effort de réunification. Deux tranches de leur vie, enfance et âge mûr, deux séquences de relations avec les autres, au niveau de la petite vie familiale intérieure et dans la pratique du monde extérieur, deux logiques, l'une affective l'autre rationnelle se heurtent en eux." (Mus 143). Đó là một thảm kịch giữa hai nền văn hóa khác nhau như đất với trời chưa tìm ra phương hướng thống nhất, đến nỗi ngày nay đầu đã thâm được chủ quyền về chính trị vấn đề đó cũng còn đặt ra y nguyên cho thế hệ chúng ta. Tổ tiên ta đánh đuổi quân Tàu xong liền trở về trùng tu đền thờ Đức Khổng như thường, vì các ngài chỉ phải giải quyết có vấn đề chính trị. Còn chúng ta đánh đuổi thực dân Pháp đi rồi có thể xảy đến Đức Descartes, Đức Sartre, Đức K. Marx, Đức Platon chẳng? Vấn đề phiền toái hơn nhiều vì không còn chỉ là chính trị, nhưng đã lan sang địa hạt văn hóa. Và vấn đề văn hóa cũng lại phức tạp vì một đảng Tây Âu văn minh hơn ta rất nhiều, đã giúp ta tiến được ít bước, nhưng về văn hóa thì lại quá khác ta. Hồn nước ta có ba nét đặc trưng chính: bình sản, công thể (communautaire) và nhất trí trong đạo thuật, thế mà văn hóa Tây Âu từ trong bản chất lại đưa tới bất bình sản, cá nhân chủ nghĩa và ý hệ đa tạp lung tung, cho nên nếu ta gọi bình sản, yêu thương, nhất trí và tiến bộ thì nói riêng về văn hóa, Tây Âu đã làm cho nước ta lùi lại mấy ngàn năm trước thời tìm ra bài vị Văn Tổ,

thời mà người ta còn phải dùng võ lực, bạo động để giải quyết những sự tranh luận về ý hệ. Làm thế nào để tiến bộ cả trong văn minh lẫn văn hóa? Đó là bài toán đồ đặt ra cho thế hệ chúng ta.

Tóm lại cả bài:

Con người Việt Nam được quan niệm theo nền Nhân Bản tam tầng: Trời, Đất, Người, mà tầng nào cũng quan trọng như nhau. Vì thế nên cần "ăn với đất vui với trời" để cho có đủ ba chiều kích đặc trưng của con người Lạc Việt. Người Pháp đã phá vỡ phần công điền để cho tài sản dồn về một số người đặc ân là đã chặt hết hai cái chân: mất phần an thổ. Đến khi phá vỡ lễ gia tiên (cách gián tiếp bằng cái học duy lý thay vào nho giáo) là chặt hết cái đầu, phá vỡ mất trời che mất phần "đôn hồ nhân" với tình huynh đệ phổ biến. Như vậy hết còn là một con người sống trong xã hội như thành phần của một cộng thể thiêng liêng, mà chỉ còn là một cá nhân trơ trọi: thôn dân vác xác đi làm tôi, thị dân vác đầu đi làm tớ: cắt băng khai mạc cho nền văn hóa thiếu Văn Tổ nên đâm ra quay cuồng theo bất cứ ý hệ ngoại lai nào.

Đó là đại khái những vấn đề đặt ra cho chúng ta sau 80 năm bị ngoại bang đô hộ, làm thế nào để trả lại cho mỗi người Việt có một mảnh đất chõ cũng như có một mảnh trời che để có thể thi hành cái đạo "giúp trời đất trong việc nuôi dưỡng và tiến hóa" không những nuôi xác mà còn làm cho tiến hóa tâm linh. Chữ Nho gọi là: "khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục" giúp cho đất trời làm việc nuôi dưỡng. TD.22. Đảng Cộng Sản Việt Nam bỏ phần Thiên đưa tuột ra giải pháp truất hữu địa chủ để chia ruộng cho tá điền. Được chăng, đó là điều cần bàn tới trong chương sau.